

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày 09-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lưu Thanh Huyền
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Anh T, sinh ngày 24/01/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1962; có vợ là Trịnh Thị P1, sinh năm 1990; có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2020 đến ngày 07/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Phan Thị Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Đoàn Kim Đ1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Phan Viết G, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Hoàng Thị D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2020, Ngô Anh T điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 15B3-671.84 đi đến xã N, huyện K để lễ đền nhà Mạc. Khi đi đến khu vực cánh đồng thôn H, xã N thì phát hiện thấy xe mô tô Nouvo biển kiểm soát 15B2-154.75 đang dừng ở rìa đường, không có người trông coi. T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 15B2-154.75. T dừng xe và dùng tay trái nhấc cốp xe lên, dùng tay phải luồn vào bên trong cốp lấy được 1 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví đựng tài sản rồi nhanh chóng điều khiển xe mô tô của mình bỏ chạy theo hướng về xã T. Chị Q phát hiện T trộm cắp tài sản nên hô “trộm, trộm” rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B2-154.75 đuổi theo T. Khi đến khu vực thôn L 1, xã T, huyện K thì bị chị Q và một số người dân chặn xe bắt giữ, trình báo Công an xã T đến giải quyết, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví của chị Q, trong chiếc ví màu trắng sữa có số tiền 8.243.000 đồng, trong chiếc ví màu Đ có 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Thị Q. Ngoài ra, còn thu giữ của T: 01 xe mô tô biển kiểm soát 15B3-671.84, 01 túi đeo chéo màu Đ, 01 điện thoại Iphone 6s plus, 02 điện thoại đen trắng; 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân đều mang tên Ngô Anh T; 01 thẻ ATM và số tiền 8.190.000 đồng.

Đối với 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe và số tiền 8.243.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Q. Xe mô tô biển kiểm soát 15B3-671.84 Cơ quan điều tra đã xác minh trả lại cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị D (mẹ đẻ T). 01 túi đeo chéo màu Đ, 01 điện thoại Iphone 6s plus, 02 điện thoại đen trắng, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo. Còn lại số tiền 8.190.000 đồng chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKSKT ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Ngô Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2020, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B3-671.84 đi từ nhà đến xã N, huyện K để lễ đền nhà M. Khi đi đến khu vực cánh đồng thôn H, xã N thì phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 15B2-154.75 đang dừng ở rìa đường, không có người trông coi nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong cốp xe. T dừng xe và quay đầu xe của mình theo hướng đi xã T, rồi dùng tay trái nhấc cốp xe lên, dùng tay phải luồn vào bên trong cốp xe trộm cắp được 1 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví đựng

số tiền 8.243.000 đồng và 01 giấy phép lái xe mô tô thì có người phụ nữ hô “trộm, trộm” và đuổi theo nên T nhanh chóng điều khiển xe mô tô của mình bỏ chạy theo hướng về xã T. Khi đến thôn L 1, xã T thì bị chị Q đuổi kịp và chặn đầu xe T, giữ lại tài sản bị trộm cắp là 01 túi nylon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví, và cùng một số người khác bắt giữ T, trình báo Công an xã T đến giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, chị Phan Thị Q khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2020 khi đang cắt lúa tại khu vực cánh đồng thôn H, xã N, chị phát hiện có 01 nam thanh niên (sau này biết là T) trộm cắp tài sản trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 15B2-154.75 của chị đang dựng ở rìa đường. Chị hô “trộm, trộm” thì T điều khiển xe mô tô của T bỏ chạy. Chị nhanh chóng điều khiển xe mô tô của mình đuổi theo T. Khi đến khu vực thôn L 1, xã T, chị chặn được đầu xe mô tô của T và giữ lại được tài sản bị T trộm cắp. Sau đó, chị cùng người dân bắt giữ T và trình báo Công an xã T đến giải quyết. Chị đã nhận lại toàn bộ tài sản gồm 01 túi nylon bên trong có 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe và số tiền 8.243.000 đồng. Nay chị không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại cơ quan điều tra, anh Đoàn Kim Đ1 khai nhận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/6/2020 khi anh đang điều khiển xe mô tô đi trên đường ở thôn L 1, xã T thì anh thấy hai xe mô tô đi ngược chiều và xe mô tô do người phụ nữ điều khiển (sau này biết là chị Q) chặn được đầu xe mô tô bị cáo T và giật giữ lại từ tay bị cáo T 01 chiếc túi nylon màu đỏ. Sau đó anh được chị Q cho biết bị cáo là người đã trộm cắp tài sản trong cốp xe mô tô của chị. Chị Q và bị cáo T giằng co, bị cáo T muốn lên xe để tẩu thoát nên anh cùng chị Q và người dân đã bắt giữ T và trình báo Công an xã T để giải quyết.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị D khai nhận: Bà là mẹ đẻ bị cáo, nguồn gốc xe mô tô biển kiểm soát 15B3-671.84 là do bà mua và để bị cáo T đứng tên trong đăng ký xe mô tô để sử dụng chung cho gia đình. Ngày 06/6/2020 bà không biết bị cáo sử dụng xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Bà đã được cơ quan điều tra công an huyện K trả lại đầy đủ xe mô tô biển kiểm soát 15B3-671.84 và không có ý kiến đề nghị gì.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Ngô Anh T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền bị cáo T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe mô tô và số tiền 8.243.000 đồng đã thu hồi trả lại đầy đủ cho bị hại. Nay bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 8.190.000 đồng, không liên quan đến việc phạm tội; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2020 Ngô Anh T đã có hành vi dùng tay nhấc cốp xe mô tô biển kiểm soát 15B2-154.75 đang dựng ở rìa đường thôn H, N rồi trộm cắp 02 chiếc ví bên trong có số tiền 8.243.000 đồng và 01 giấy phép lái xe mô tô của chị Phan Thị Q bị bắt giữ cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của bị cáo Ngô Anh T đã thỏa mãn cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, ảnh hưởng

đền trật tự an toàn xã hội. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe mô tô và số tiền 8.243.000 đồng đã thu hồi trả lại đầy đủ cho bị hại. Nay bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh gia đình bị cáo kinh tế bình thường, không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. Cần phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.190.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Ngô Anh T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo T 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo T số tiền 8.190.000đ (tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) (theo biên lai thu tiền số AA.0002762 ngày 25/6/2020 tại Chi cục Thi hành án D sự huyện K), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa P1.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA hình sự + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền

